

Bản án số: 181/2024/DS - PT

Ngày: 29/5/2024

V/v: “Đòi lại di sản và tranh
chấp về thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: ông Phạm Tồn

ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 291/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023, về việc “Đòi lại di sản và tranh chấp về thừa kế tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 886/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn T (Chết năm 2013)

Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T:

1.1. Bà Nguyễn Thị Á; Vắng.

1.2. Ông Nguyễn Sơn T1; Vắng.

Cùng cư trú tại: Số B đường B, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Bà Nguyễn Thị Thanh T2; Vắng.

1.4. Bà Nguyễn Thị Phương L; Vắng.

1.5. Ông Nguyễn Văn T3; Vắng.

Cùng cư trú tại: Số D đường N, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.6. Bà Nguyễn Thị Loan P; cư trú tại: Số B đường T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng.

1.7. Bà Nguyễn Thị Bích S; cư trú tại: Aichiken Nagoyashi M Jujinoki D Japan. Vắng.

1.8. Bà Nguyễn Thị Trung N; cư trú tại: Am N.70,66125 Sarbruecken, Cộng hòa Liên bang Đ. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T: ông Nguyễn Văn T3; cư trú tại: Số D đường N, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim C (chết năm 2021)

Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim C:

2.1. Ông Đào Duy A; Vắng.

2.2. Ông Đào Duy T4; vắng.

2.3. Ông Đào Duy L1; Có mặt.

2.4. Ông Đào Duy L2; Vắng.

Các ông Đào Duy A, Đào Duy T4, Đào Duy L1 và Đào Duy L2 đồng cư trú tại: Số C đường Đ, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ của ông Đào Duy L1: P6A (26-02) Vinhomes C, G đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim C: ông Đào Duy L1; cư trú tại: Số C đường Đ, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: P6A (26-02) Vinhomes C, G đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2.5. Ông Đào Duy S1; cư trú tại: Số B, tổ E, khu phố D, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng.

3. Bà Nguyễn Thị X (Chết năm 2018)

Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị X:

3.1. Bà Trần Thị Tường V1; Có mặt.

3.2. Ông Trần Ngọc L3; Vắng.

Cùng cư trú tại: Số A đường số B, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Trần Ngọc T5; cư trú tại: Số F đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng.

3.4. Ông Trần Ngọc Đ; trú tại: Số F đường Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị X: ông Trần Ngọc L3; cư trú tại: Số A đường số B, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng.

4. Bà Nguyễn Thị L4 (Chết năm 2012)

Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L4:

4.1. Ông Phan Minh H (chết ngày 14/01/2022).

Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Minh H; gồm: Bà Mai Thị N1 (vợ) và 02 con: Phạm Minh H1, Phạm Thị Minh H2. Đều trú tại: Số B N, phường T, thành phố Q, Bình Định. Vắng (Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.2. Ông Phan Minh H3 (chết ngày 11/7/2021)

Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Minh H3; gồm: Bà Nguyễn Thị H4 (vợ) và 02 con Phan Minh Sa H5 (chết năm 2024; có vợ là Phan Thị H6) và Phan Minh Trọng H7. Đều trú tại: Tổ B, khu phố C, phường T, thành phố Q, Bình Định. Vắng (Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.3. Ông Phan Minh H8; cư trú tại: Số B đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

4.4. Bà Phan Thị Minh H9; trú tại: Hẻm A đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng.

4.5. Ông Phan Minh H10 (chết ngày 17//2023)

Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Minh H10; gồm: Bà Đoàn Thị Mỹ H11 (vợ) và 03 con Phan Minh Hoàng N2 (chết năm 2008, không có vợ con); Phan Minh Hoàng N3, Phan Minh Hoàng N3. Đều trú tại: Tổ A, khu V, phường H, thành phố Q, Bình Định. Vắng (Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị T6 (Chết năm 2014)

Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T6:

5.1. Bà Nguyễn Thị H4; Vắng.

5.2. Bà Trần Thị S2; Vắng.

5.3. Ông Trần Xuân T7; Vắng.

5.4. Bà Trần Thị B; Vắng.

5.5. Bà Trần Thị N4; Vắng.

5.6. Bà Trần Ngọc D; Vắng.

Trú tại: Khu phố D, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

5.7. Ông Trần Cẩm T8; cư trú tại: Số A đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Ông Nguyễn N5 (Chết năm 2016)

Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn N5:

6.1. Bà Nguyễn Thị Thu H12; Vắng.

6.2. Bà Lê Thị X1; Vắng.

6.3. Ông Nguyễn Trung H13; Vắng.

6.4. Ông Nguyễn Trung H14; Vắng.

6.5. Ông Nguyễn Trung P1; Vắng.

Cùng trú tại: Tổ C, khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định.

7. Bà Nguyễn Thị H15; (Chết năm 2022)

Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H15:

7.1. Ông Phùng H16; cư trú tại: Khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định. Vắng.

7.2. Ông Phùng Việt H17; hộ khẩu thường trú tại: Khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định. Vắng.

7.3. Ông Phùng Việt H18; địa chỉ liên hệ: Số H khu phố C, đường P, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng.

7.4. Bà Phùng Thị Việt L5; cư trú tại: Khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định. Vắng.

7.5. Ông Phùng Việt H19; cư trú tại: Xã H, tỉnh Bình Thuận. Vắng.

7.6. Ông Phùng Việt H20; cư trú tại: Thôn H, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Vắng.

7.7. Bà Phùng Thị Việt H21; cư trú tại: Khu phố T, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định. Vắng.

7.8. Ông Phùng Việt N6; hộ khẩu thường trú tại: Khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định. Có mặt.

7.9. Ông Phùng Việt L6; hộ khẩu thường trú tại: Khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định. Vắng.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn T9 (Chết năm 2016)

Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T9:

1.1. Bà Nguyễn Thị D1 (chết năm 2019);

1.2. Ông Nguyễn Thanh T10; Vắng.

1.3. Ông Nguyễn Song T11; Vắng.

1.4. Ông Nguyễn Thanh L7; Có mặt

1.5. Bà Nguyễn Thị T12; Vắng.

1.6. Bà Nguyễn Thị N7; Vắng.

1.7. Bà Nguyễn Thị M; Vắng.

2. Ông Nguyễn Song T11; Vắng.

Cùng cư trú tại: Khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND thị xã H, tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Văn Q – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thị xã H. Vắng.

2. UBND phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định; Vắng.

3. Ông Nguyễn C1 (Chết năm 2003)

Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn C1:

3.1. Bà Trần Thị L8; Vắng.

3.2. Ông Nguyễn Văn T13; Vắng.

Cùng cư trú tại: Số B đường C, phường A, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Nguyễn Thị K; cư trú tại: Thôn A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. Vắng.

3.4. Bà Nguyễn Thị N8; Vắng.

3.5. Ông Nguyễn C2; Vắng.

3.6. Ông Nguyễn H22; Vắng.

3.7. Bà Nguyễn Thị Anh V2; Vắng.

3.8. Ông Nguyễn T14; Vắng.

3.9. Bà Nguyễn Thị H23; Vắng.

Cùng cư trú tại: Ấp S, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Nguyễn Thanh L7; Có mặt.

5. Bà Trần Thị N9; V.

6. Ông Nguyễn Thanh T10; Vắng.

7. Bà Nguyễn Thị N10; Vắng.

8. Bà Võ Thị X2; Vắng.

9. Chị Nguyễn Thị Phương T15; Vắng.

10. Anh Nguyễn Mạnh C3; Vắng.

11. Chị Nguyễn Thị Diệu H24; Vắng.
12. Bà Nguyễn Thị T12; Vắng.
13. Bà Nguyễn Thị N7; Vắng.
14. Bà Nguyễn Thị M; Vắng.
15. Bà Nguyễn Thị D1 (chết năm 2019);

Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị D1:

- 15.1. Ông Nguyễn Thanh T10; Vắng.
- 15.2. Ông Nguyễn Song T11; Vắng.
- 15.3. Ông Nguyễn Thanh L7; Có mặt.
- 15.4. Bà Nguyễn Thị T12; Vắng.
- 15.5. Bà Nguyễn Thị N7; Vắng.
- 15.6. Bà Nguyễn Thị M. Vắng.

Cùng cư trú tại: Khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn T (chết năm 2013); người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T và đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T (Các ông bà Nguyễn Thị Á, Nguyễn Sơn T1, Nguyễn Thị Thanh T2, Nguyễn Thị Phương L, Nguyễn Thị Loan P, Nguyễn Thị Bích S, Nguyễn Thị Trung N) là ông Nguyễn Văn T3; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C (Chết năm 2021); người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim C là các ông Đào Duy A, Đào Duy T4, Đào Duy L1, Đào Duy L2 và Đào Duy S1; nguyên đơn bà Nguyễn Thị X (Chết năm 2018); người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị X và đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị X (Các ông bà Trần Thị Tường V3, Trần Ngọc T5 và Trần Ngọc Đ) là ông Trần Ngọc L3; bà Nguyễn Thị L4 (Chết năm 2012); người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L4 là các ông, bà Phan Minh H3, Phan Minh H8, Phan Thị Minh H9, Phan Minh H10, Phan Minh H; nguyên đơn bà Nguyễn Thị T6 (Chết năm 2014); những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T6 là các ông bà Nguyễn Thị H4, Trần Thị S2, Trần Xuân T7, Trần Cẩm T8, Trần Thị B, Trần Thị N4 và Trần Ngọc D; nguyên đơn ông Nguyễn N5 (Chết năm 2016); những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Nghĩa I các ông bà Nguyễn Thị Thu H12, Lê Thị X1, Nguyễn Trung H13, Nguyễn Trung H14 và Nguyễn Trung P1; nguyên đơn bà Nguyễn Thị H15 (Chết năm 2022); những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H15 là các ông bà Phùng H16, Phùng Việt H17, Phùng Việt H18, Phùng Thị Việt L5, Phùng Việt H19, Phùng Việt H20, Phùng Thị Việt H21, Phùng Việt N6 và Phùng Việt L6 thống nhất trình bày:

* Về quan hệ gia đình: Cô N (chết năm 1986) và cô Trần Thị K1 (chết năm 1995), có 09 người con là các ông bà: Nguyễn Trục (chết năm 2013), Nguyễn N5 (chết năm 2016), Nguyễn Thị L4 (chết năm 2012), Nguyễn Thị T6 (chết năm 2014), Nguyễn Thị X (chết năm 2018), Nguyễn T9 (chết năm 2016), Nguyễn C1 (chết năm 2003), Nguyễn Thị Kim C (chết năm 2021) và bà Nguyễn Thị H15 (chết năm 2022).

- Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T là các ông bà: Nguyễn Thị Á, Nguyễn Sơn T1, Nguyễn Thị Thanh T2 (bà T2 chết năm 2020 và không có chồng, con), Nguyễn Thị Phương L, Nguyễn Thị Loan P, Nguyễn Thị Bích S, Nguyễn Thị Trung N và Nguyễn Văn T3.

- Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim C là các ông: Đào Duy A, Đào Duy T4, Đào Duy L1, Đào Duy L2 và Đào Duy S1.

- Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị X là các ông bà: Trần Thị Tường V3, Trần Ngọc T5, Trần Ngọc Đ và Trần Ngọc L3.

- Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L4 là các ông bà: Phan Minh H3, Phan Minh H8, Phan Thị Minh H9, Phan Minh H10 và Phan Minh H.

- Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T6 là các ông bà: Nguyễn Thị H4, Trần Thị S2, Trần Xuân T7, Trần Cẩm T8, Trần Thị B, Trần Thị N4 và Trần Ngọc D.

- Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Nghĩa I các ông bà: Nguyễn Thị Thu H12, Lê Thị X1, Nguyễn Trung H13, Nguyễn Trung H14 và Nguyễn Trung P1.

- Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H15 là các ông bà: Phùng Hề, Phùng Việt H17, Phùng Việt H18, Phùng Thị Việt L5, Phùng Việt H19, Phùng Việt H20, Phùng Thị Việt H21, Phùng Việt Nam và Phùng Việt L9.

- Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn C1 là các ông bà: Trần Thị L8, Nguyễn Văn T13, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N8, Nguyễn C2, Nguyễn H22, Nguyễn Thị Anh V2, Nguyễn T14 và Nguyễn Thị H23.

- Những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T9 là các ông bà: Nguyễn Thị D1 (chết năm 2019), Nguyễn Thanh T10, Nguyễn Song T11, Nguyễn Thanh L7, Nguyễn Thị T12, Nguyễn Thị N7 và Nguyễn Thị M.

* Về nguồn gốc thửa đất có số hiệu 177 (trích lục cũ), diện tích 08 sào 02 thước tại khối A, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định) (viết tắt là thửa 177) đang tranh chấp:

- Thửa đất trên có nguồn gốc là của cô Nguyễn H25 và cô Trần Thị K1 nhận thừa kế từ ông bà để lại. Năm 1986, cô Nguyễn Hàm c không để lại di chúc; cô Trần Thị K1 cùng 09 người con cùng nhau quản lý, sử dụng thửa đất nói trên.

- Thửa 177 được chia tách thành 03 thửa:

Thửa đất số 215A, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.118m² (200m² đất ở và 918m² đất vườn) (viết tắt là thửa 215A) được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định – Viết tắt là UBND thị xã H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN) số 01966 QSDD/A15 ngày 24/01/1997 cho hộ ông Nguyễn T9 (viết tắt là GCN số 01966)

Trước năm 1975, vợ chồng ông Nguyễn T9 được hai cô cho thửa đất trên để xây dựng nhà ở, việc hai cô cho đất vợ chồng ông T9 chỉ bằng miệng, không có giấy tờ gì khác; vợ chồng ông T9 quản lý, sử dụng ổn định cho đến nay. Ngoài các cây dừa có trên đất được trồng từ trước do ông bà để lại thì toàn bộ nhà cửa, công trình và cây cối có trên đất là do hộ ông T9 tạo lập, hai cô và những người khác không có liên quan. Từ khi vợ chồng ông T9 được cha mẹ cho đất xây dựng nhà ở cho đến trước khi các nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án thì hai cô cũng như 08 người con khác không có ai có ý kiến khiếu nại hoặc tranh chấp nào.

Tại thời điểm hai cô còn sống cho đến nay, hai cô cũng như 08 người con (Trừ ông Nguyễn T9) không ai thực hiện việc đăng ký kê khai hoặc yêu cầu Nhà nước cấp GCN đối với thửa 215A. Việc hộ ông Nguyễn T9 làm đơn đưa đất vào Hợp tác xã, được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất và được cấp GCN đối với thửa 215A như thế nào thì hai cô cũng như 08 người con còn lại không biết.

Hiện nay, thửa 215A được chia tách thành 02 thửa:

- Thửa đất số 215C, tờ bản đồ số 09, diện tích 240m² (140m² đất ở và 100m² đất vườn) (viết tắt là thửa 215C); hiện nay chị Nguyễn Thị T12 đã xây dựng nhà ở kiên cố, chị T12 đã được Nhà nước cấp GCN đối với thửa đất nói trên.

- Thửa đất số 215A, tờ bản đồ số 09 với diện tích là 878m² (200m² đất ở và 678m² đất vườn) (viết tắt là thửa 215A), phần diện tích đất còn lại sau khi vợ chồng ông T9 cho đất chị T12. Hiện nay, vợ chồng anh Nguyễn Thanh T10 đang quản lý, sử dụng, trên đất có nhà của vợ chồng ông Nguyễn T9 xây dựng từ trước năm 1975 và vợ chồng anh Nguyễn Thanh T10 đã được UBND huyện H cấp GCN số H.01966 QSDD/A15 ngày 24/11/2009 (viết tắt là GCN số H.01966).

- Thửa đất số 215B, tờ bản đồ số 09, diện tích 570m² (200m² đất ở và 370m² đất vườn) (viết tắt là thửa 215B) đã được UBND huyện H cấp GCN đất số 01968 QSDD/A15 ngày 24/01/1997 cho hộ anh Nguyễn Song T11 (viết tắt là GCN 01968).

Từ năm 1985 trở về trước, cô Nguyễn H25 và cô Trần Thị K1 là người quản lý, sử dụng thửa đất nói trên. Vào năm 1985, hai cô cho vợ chồng anh Nguyễn Song T11 một phần thửa 215B để làm nhà ở. Việc hai cô cho đất anh Nguyễn Song T11 chỉ bằng miệng, không có giấy tờ nào khác; tại thời điểm cho đất, hai cô chỉ ranh giới cho đất vợ chồng anh Nguyễn Song T11 chứ không có

diện tích cụ thể, theo hiện trạng hiện nay anh Nguyễn Song T11 đã xây dựng nhà ở thì các nguyên đơn xác định diện tích đất anh Nguyễn Song T11 được cho khoảng 200m².

Sau khi được ông bà cho đất, vợ chồng anh Nguyễn Song T11 quản lý, sử dụng ổn định cho đến nay đối với phần đất được cho. Ngoài các cây dừa có trên đất được trồng từ trước do ông bà để lại thì toàn bộ nhà cửa, công trình và cây cối có trên đất là do vợ chồng anh Nguyễn Song T11 tạo lập, hai cố và những người khác không có liên quan. Từ khi vợ chồng anh Nguyễn Song T11 được hai cố cho đất xây dựng nhà ở cho đến trước khi các nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án thì hai cố cũng như 08 người con khác không có ai có ý kiến khiếu nại hoặc tranh chấp nào.

Tại thời điểm cố Nguyễn H25 và cố Trần Thị K1 còn sống cho đến nay, hai cố cũng như 08 người con (trừ ông Nguyễn T9) không ai thực hiện việc đăng ký kê khai hoặc yêu cầu Nhà nước cấp GCN đối với thửa 215B. Việc ông Nguyễn T9 làm đơn đưa đất vào Hợp tác xã, hộ anh Nguyễn Song T11 được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất và được cấp GCN đối với thửa 215B như thế nào thì hai cố và 08 người con còn lại không biết.

Các nguyên đơn thống nhất là cố Nguyễn H25 và cố Trần Thị K1 đã cho anh Nguyễn Song T11 01 phần thửa 215B, diện tích 200m²; phần diện tích đất còn lại 370m² theo GCN 01968 thuộc quyền sử dụng của hai cố, chưa được phân chia.

- Thửa đất số 202, tờ bản đồ số 09 (viết tắt là thửa 202) nay là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84 (Bản đồ VN-2000) (viết tắt là thửa 55)

Trước năm 1975, cố Nguyễn H25 và cố Trần Thị K1 là người quản lý, sử dụng thửa đất nói trên. Năm 1979, ông Nguyễn C1 về ở chung với cha mẹ; ông C1 và hai cố tiếp tục quản lý, canh tác trồng hoa màu trên đất. Năm 2002, ông C1 chết, bà Nguyễn Thị H15 tiếp tục canh tác cho đến khi 08 nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án. Từ sau khi 08 nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án cho đến nay thì các con của ông Nguyễn T9 đã tự ý đến chiếm dụng, canh tác và thu hoạch hoa màu trên đất.

Tại khi cố Nguyễn H25 và cố Trần Thị K1 còn sống cho đến nay, hai cố cũng như 08 người con (trừ ông Nguyễn T9) không ai thực hiện việc đăng ký kê khai hoặc yêu cầu Nhà nước cấp GCN đối với thửa đất trên. Việc ông Nguyễn T9 làm đơn đưa đất vào Hợp tác xã như thế nào thì hai cố và 08 người con còn lại không biết.

Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn T9 và anh Nguyễn Song T11 trả lại thửa 177 và phân chia thửa đất nói trên theo quy định.

Toàn bộ tài sản có trên thửa đất nói trên, các nguyên đơn không có ý kiến gì vì đó là tài sản do gia đình ông Nguyễn T9 tạo lập; các nguyên đơn chỉ yêu cầu phân chia về đất. Trong trường hợp phân chia tài sản, các nguyên đơn thống nhất là ưu tiên để cho các con của ông Nguyễn T9 là bà Nguyễn Thị T12, vợ chồng ông Nguyễn Thanh T10 và vợ chồng ông Nguyễn Song T11 được nhận phần đất mà hiện nay đã xây nhà.

Các nguyên đơn muốn nhận đất; sau khi vụ án được giải quyết xong, các nguyên đơn sẽ xử lý phần đất được phân chia để thờ cúng ông bà. Ngoài ra, các nguyên đơn không có yêu cầu hoặc trình bày nào khác.

*** Bị đơn ông Nguyễn T9 (Chết năm 2016); bị đơn và đồng thời là người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T9 và bà Nguyễn Thị D1 (chết năm 2019) là ông Nguyễn Song T11; những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T9 và bà Nguyễn Thị D1 (chết năm 2019), đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông bà Nguyễn Thanh L7, Nguyễn Thanh T10, Nguyễn Thị T12, Nguyễn Thị N7, Nguyễn Thị M; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Trần Thị N9, Nguyễn Thị N10, Võ Thị X2, Nguyễn Thị Phương T15, Nguyễn Mạnh C3, Nguyễn Thị Diệu H24 thống nhất trình bày:**

- Về quan hệ gia đình, những người nói trên thống nhất như nội dung trình bày của các nguyên đơn.

- Các thửa 202, 215A và 215B nguyên trước kia vào thời Pháp thuộc thửa 177, có nguồn gốc là do cố Nguyễn H25 và cố Trần Thị K1 tạo lập; sau đó cho lại ông Nguyễn T9 vào trước năm 1975, việc cho đất chỉ thể hiện bằng miệng do là con cái trong nhà và 08 người con còn lại của hai cố đều biết việc cho đất, không ai có ý kiến gì.

Ngày 21/5/1979, ông Nguyễn T9 đã làm đơn xin đưa tất cả các thửa đất trên vào Hợp tác xã N11 quản lý. Tại thời điểm ông T9 làm đơn xin đưa đất vào hợp tác xã, hai cố vẫn còn sống nhưng không ai có ý kiến gì và khi đó bà H15 cũng ở tại địa phương nhưng cũng không có ý kiến gì. Mặc dù có làm đơn đưa đất vào Hợp tác xã nhưng trên thực tế hộ ông T9 vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng các thửa 202, 215A và 215B.

- Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (viết tắt là Nghị định 64), hộ ông Nguyễn T9 và hộ ông Nguyễn Song T11 đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất vào năm 1995; cụ thể:

Ngày 26/6/1995, hộ ông Nguyễn T9 có đơn xin đăng ký ruộng đất được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã B xác nhận và được UBND huyện H cấp GCN 01966 đối với thửa 215A, diện tích 1.118m² (200m² đất ở và 918m² đất vườn). Tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền thì hộ ông Nguyễn T9 gồm có vợ chồng ông T9 và 06 người con.

Ngày 26/6/1995, hộ ông Nguyễn Song T11 có đơn xin đăng ký ruộng đất được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã B xác nhận và được UBND huyện H cấp GCN 01968 đối với thửa 215B, diện tích 570m² (200m² đất ở và 370m² đất vườn). Tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền thì hộ ông Nguyễn Song T11 gồm có vợ chồng ông T11 và 03 người con. Hiện nay, trên thửa 215B có nhà, công trình phụ, cây cối... Ngôi nhà là do ông Nguyễn T9 xây cho vợ chồng ông Nguyễn Song T11 khi ông T11 cưới vợ (thời gian trên 30 năm); vợ chồng ông

Nguyễn Song T11 quản lý, sử dụng ổn định cho đến nay; không mua bán, chuyển nhượng hoặc tặng cho bất kỳ ai.

Tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn T9 và hộ ông Nguyễn Song T11 không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

Từ khi được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất cho đến khi các nguyên đơn khởi kiện, hộ ông Nguyễn T9 và hộ ông Nguyễn Song T11 quản lý và sử dụng ổn định, đóng thuế đầy đủ và không có ai tranh chấp.

Đối với thửa 215A: Vào năm 2005, vợ chồng ông Nguyễn T9 có tặng cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T12 và ông Nguyễn Văn M1 một phần thửa 215A; nay là thửa đất số 215C, diện tích 240m² (140m² đất ở và 100m² đất vườn) (viết tắt là thửa 215C) và vợ chồng bà T12 đã được UBND huyện H cấp GCN 03669/A15 ngày 25/02/2005 đối với thửa đất số 215C (viết tắt là GCN 03669). Hiện nay, ông M1 và bà T12 đã ly hôn, ông M1 đã có văn bản thống nhất giao toàn bộ thửa đất trên cho bà T12; sau khi ly hôn, bà T12 đã xây dựng nhà ở kiên cố và tại thời điểm bà T12 xây dựng nhà ở thì cũng không có ai tranh chấp hoặc ý kiến gì. Vào năm 2009, vợ chồng ông Nguyễn T9 đã lập hợp đồng tặng cho toàn bộ diện tích đất còn lại của thửa 215A, diện tích là 878m² (200m² đất ở và 678m² đất vườn) cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T10 và vợ chồng ông Nguyễn Thanh T10 đã được UBND huyện H cấp GCN số H.01966 QSDĐ/A15 ngày 24/11/2009 (viết tắt là CGN H.01966). Hiện nay, trên đất vẫn còn nhà do vợ chồng ông Nguyễn T9 xây dựng trước năm 1975 và sau khi được cho đất đến nay, vợ chồng ông Nguyễn Thanh T10 tiếp tục quản lý, sửa chữa nhà; khi ông vợ chồng ông Nguyễn T9 sửa chữa nhà cũng không có ai có ý kiến hoặc tranh chấp nào.

Đối với thửa 202: Hiện nay, ông Nguyễn Thành L10 là người đang quản lý, canh tác trồng dưa lâu năm, có xây tường rào B40 xung quanh và cho đến nay, Nhà nước chưa giao quyền sử dụng đất và cấp GCN đối với thửa đất nói trên cho bất kỳ ai. Vào năm 2005, khi Nhà nước có chủ trương mở đường thì có xin đất gia đình ông Nguyễn T9 và gia đình ông Nguyễn T9 cũng đã thống nhất cho Nhà nước 1,5m chiều dài đất để mở đường, gia đình ông Nguyễn T9 cũng không có nhận bồi thường gì khác.

Từ những căn cứ nói trên, các ông bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc đòi lại di sản và yêu cầu chia tài sản chung của cô Nguyễn H25 và cô Trần Thị K1 chết để lại. Ngoài ra, các ông bà không có yêu cầu phản tố, độc lập hoặc trình bày nào khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn C1 (Chết năm 2003); những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn C1 là các ông bà Trần Thị L8, Nguyễn Văn T13, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N8, Nguyễn C2, Nguyễn H22, Nguyễn Thị Anh V2, Nguyễn T14, Nguyễn Thị H23 thống nhất trình bày:**

Những người nói trên thống nhất với nội dung trình bày và toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; ngoài ra, không ai có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phan Văn Q – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H trình bày:

* Quá trình sử dụng và đăng ký biến động thửa 215A, 215B, 215C và 202:

- Thửa 215A: Ngày 26/6/1995, ông Nguyễn T9 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại thửa 215A, diện tích 1.118m² (trong đó 200m² đất ở và 918m² đất vườn), được Hội đồng đăng ký ruộng đất thị trấn B thống nhất, đề nghị UBND huyện H. Ngày 24/01/1997, UBND huyện H cấp GCN 01966 đối với thửa 215A cho hộ ông Nguyễn Thông .

- Ngày 12/7/2004, ông Nguyễn T9 và bà Nguyễn Thị D1 lập hợp đồng chuyển nhượng một phần thửa đất nói trên cho bà Nguyễn Thị T12 và ông Nguyễn Văn M1, diện tích 240m² đất vườn, được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H (nay là UBND phường B, thị xã H, viết tắt là UBND phường B) xác nhận ngày 03/8/2004. Ngày 12/7/2004, bà T12 có đơn đăng ký cấp GCN và đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất tại một phần thửa đất nhận chuyển nhượng và được UBND thị trấn B xác nhận ngày 03/8/2004. Ngày 10/9/2004, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1404/QĐ-UB về việc cho phép bà T12 chuyển mục đích sử dụng đất vườn tại một phần thửa 215A, diện tích 240m² sang đất ở với diện tích 140m², ký hiệu thửa đất mới là 215C. Ngày 25/02/2005, UBND huyện H cấp GCN H.03669 đối với thửa đất số 215C, diện tích 240m² (trong đó 140m² đất ở và 100m² đất vườn) cho ông M1 và bà T12. Ngày 20/8/2007, ông M1 và bà T12 lập hợp đồng chuyển nhượng toàn phần thửa 215C, diện tích 240m² cho ông Nguyễn Thanh T10, được UBND thị trấn B chứng thực ngày 20/8/2007. Ngày 24/8/2010, UBND huyện H cấp GCN số CH00443 đối với thửa 215C cho ông Nguyễn Thanh T10. Ngày 07/9/2010, ông Nguyễn Thanh T10 và bà Nguyễn Thị Ngọc l1 hợp đồng chuyển nhượng toàn phần thửa đất số 215C cho bà T12, được Phòng công chứng số 2 tỉnh B công chứng ngày 07/9/2010; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H chỉnh lý biến động chuyển nhượng toàn phần quyền sử dụng đất cho bà T12 vào ngày 14/9/2010.

- Đối với phần diện tích còn lại, UBND huyện H cấp lại GCN H.01966 đối với thửa 215A, diện tích 878m² (trong đó 200m² đất ở và 678m² đất vườn). Ngày 10/11/2009, ông Nguyễn T9 và bà Nguyễn Thị D1 lập hợp đồng tặng cho toàn phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Nguyễn Thanh T10 tại thửa đất nói trên và đã được Phòng công chứng số B tỉnh Bình Định công chứng. Ngày 24/11/2009, UBND huyện H cấp GCN H.01966 đối với thửa đất số 215A, diện tích 878m² (trong đó 200m² đất ở và 678m² đất vườn) cho ông Nguyễn Thanh T10. Ngày 23/02/2016, ông Nguyễn Thanh T10 lập hợp đồng tặng cho toàn phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông

Nguyễn T9 và bà Nguyễn Thị D1 tại thửa đất nói trên, được Văn phòng C công chứng ngày 23/02/2016; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H chỉnh lý biến động cho ông Nguyễn T9 và bà Nguyễn Thị D1 vào ngày 02/3/2016. Ngày 04/3/2016, ông Nguyễn T9 và bà Nguyễn Thị D1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Nguyễn Thanh T10 và bà Nguyễn Thị N7 tại thửa đất nói trên, được Văn phòng C công chứng ngày 04/3/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H chỉnh lý biến động cho ông Nguyễn Thanh T10 và bà Nguyễn Thị N7 vào ngày 21/3/2016.

- Thửa 215B: Ngày 26/6/1995, ông Nguyễn Song T11 có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất tại các thửa đất trong đó có thửa 215B, diện tích 570m² (trong đó 200m² đất ở và 370m² đất vườn) và được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã B thống nhất, đề nghị UBND huyện H. UBND huyện H đã cấp GCN 01968 (trang 87, quyển 01, Sổ Địa chính khu phố 1, B) đối với thửa đất trên cho hộ ông Nguyễn Song T11.

- Thửa 202, diện tích 1.750m² (trong đó 200m² đất ở và 1.550m² đất vườn), Sổ Mục kê ruộng đất ghi chủ sử dụng đất: Nguyễn Song T11, chưa có tên trong Sổ địa chính và chưa được cấp GCN.

- Tại thời điểm cấp GCN tại các thửa đất nêu trên, theo xác nhận của UBND phường B tại Văn bản số 128/UBND ngày 26/10/2020 thì không nhận được bất kỳ đơn thư tranh chấp, khiếu nại nào có liên quan.

Hiện nay, các thửa đất nêu trên chưa được cấp đổi GCN theo hệ tọa độ chuẩn Quốc gia VN-2000.

- Thửa đất số 202 nay là thửa đất số 55 (Bản đồ VN-2000) chưa được cấp GCN. Trường hợp cá nhân, hộ gia đình có yêu cầu cấp GCN tại thửa đất trên thì thực hiện theo quy định của Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, UBND phường B trình bày:**

- **Tại thời điểm** UBND huyện H **thực hiện việc cấp** GCN 01966 đối với thửa đất số 215A, diện tích 1.118m² (trong đó 200m² đất ở và 918m² đất vườn) cho hộ ông Nguyễn T9 thì không có tài liệu thể hiện trong tàng thư hồ sơ hộ khẩu, chỉ thể hiện thời điểm năm 1976 hộ ông Nguyễn T9 các nhân khẩu sau: Nguyễn T9, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Thanh T10, Nguyễn Thanh L7, Nguyễn Thị N7, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T12. Ngày 14/8/1997, hộ ông Nguyễn T9 nhập thêm 02 nhân khẩu gồm Nguyễn Thị D2 và Nguyễn Thanh H26 (Theo Văn bản số 1909/CATX-QLHC ngày 10/11/2020 của Công an thị xã H).

UBND huyện H **thực hiện việc cấp** GCN 01968 đối với thửa đất số 215B, diện tích 570m² (trong đó 200m² đất ở và 370m² đất vườn) cho hộ ông Nguyễn Song T11 thì không có tài liệu thể hiện trong tàng thư hồ sơ hộ khẩu.

Từ ngày 21/5/1997 đến ngày 16/3/2010, UBND phường B không tiếp nhận bất kỳ đơn thư khiếu nại nào liên quan đến việc ông Nguyễn T9 làm đơn

xin đưa đất vào Hợp tác xã N11 quản lý các thửa 202, 215B hoặc việc nhà nước cân đối giao quyền các thửa 215A, 215B cho hộ ông Nguyễn T9 và hộ ông Nguyễn Song T11.

- Đối với thửa 202: Theo Bản đồ năm 1984: Thửa đất số 239, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.620m²; tên chủ sử dụng ruộng đất: Hợp tác xã N11 chính thức; địa chỉ thửa đất: Hợp tác xã N11, huyện H. Theo Bản đồ năm 1997: Theo sổ mục kê đất đai là thửa 202, diện tích 1.750m²; tên chủ sử dụng đất: Nguyễn Song T11; địa chỉ thửa đất: K, thị trấn B, huyện H. Theo Bản đồ VN-2000: Theo sổ mục kê đất đai là thửa đất số 84, tờ bản đồ số 55, diện tích 1.490,5m²; tên chủ sử dụng đất: Hộ ông Nguyễn Văn T13; địa chỉ thửa đất: Khu phố A, phường B, thị xã H.

Thửa 202 có nguồn gốc là của cố Nguyễn L11 (cha của cố Nguyễn H25); cố Nguyễn Hàm là cha của các ông bà Nguyễn Thị T6, Nguyễn C1, Nguyễn T9, Nguyễn T, Nguyễn N5, Nguyễn Thị H15, Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Kim C. Trên đất có dừa của cố Nguyễn L11 và cố Nguyễn Hàm t; sau khi 02 cố mất, ông Nguyễn C1 là người thu hoạch dừa và trồng thêm một số cây dừa. Sau khi ông C1 chết, các anh, chị em ruột của ông C1 thu hoạch dừa; hiện nay, ông Nguyễn Thanh L7 (con ông Nguyễn T9) đang thu hoạch dừa. Từ trước đến nay, không có ai lập hồ sơ đề nghị cấp GCN đối với thửa đất nói trên. Thửa 202 có nguồn gốc là của gia đình cố Nguyễn H25 và cố Trần Thị K1; do đó, đề nghị xác định thửa đất nói trên là di sản của hai cố chết để lại cho các đồng thừa kế là các con của hai cố.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Án lệ số 40/2021/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 23/02/2021 và được công bố theo Quyết định 42/QĐ-CA y 12/3/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Án lệ số 27/2019/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 22/8/2019 và được công bố theo ải về"Quyết định số 293/QĐ-CA ngày 09/9/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà Nguyễn T, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn N5 và

Nguyễn Thị H15 về việc yêu cầu ông Nguyễn T9 và anh Nguyễn Song T11 trả lại thửa đất số 215A, tờ bản đồ số 09, diện tích 878m² (200m² đất ở và 678m² đất vườn) tọa lạc tại khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định; thửa đất số 215B, tờ bản đồ số 09, diện tích 570m² (200m² đất ở và 370m² đất vườn) tọa lạc tại khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định; thửa đất số 215C, tờ bản đồ số 09, diện tích 240m² (140m² đất ở và 100m² đất vườn) tọa lạc tại khu phố A, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định và phân chia các thửa đất nói trên theo quy định.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà Nguyễn T, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn N5 và Nguyễn Thị H15 về việc yêu cầu ông Nguyễn T9 và anh Nguyễn Song T11 trả lại thửa đất số 202, tờ bản đồ số 09 (Bản đồ năm 1997) nay là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84 (Bản đồ VN-2000), diện tích 1.450,6m² đất trồng cây lâu năm (đất nông nghiệp) tại khu phố A, phường B, thị xã H (có sơ đồ thửa đất tranh chấp ngày 09/11/2012 do Toà án nhân dân thị xã Hoài Nhơn thực hiện việc đo vẽ kèm theo)

3. Giao cho những người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn T9 là các ông bà Nguyễn Thanh L7, Nguyễn Thanh T10, Nguyễn Thị T12, Nguyễn Thị N7, Nguyễn Thị M được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại một phần thửa đất số 202, tờ bản đồ số 09 (Bản đồ năm 1997) nay là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84 (Bản đồ VN-2000), diện tích 300m² tại khu phố A, phường B, thị xã H (phần B theo sơ đồ bản vẽ kèm theo) và hoàn thành các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Giao cho ông Nguyễn Văn T13 đại diện quản lý đối với một phần thửa đất số 202, tờ bản đồ số 09 (Bản đồ năm 1997) nay là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84 (Bản đồ VN-2000), diện tích 1.150,6m² tại khu phố A, phường B, thị xã H (phần A theo sơ đồ bản vẽ kèm theo) và các tài sản gắn liền với đất để làm nơi thờ cúng ông bà. Ông T13 có nghĩa vụ hoàn thành các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 26/10/2023, các ông bà Trần Thị Tường V1, Trần Ngọc L3, Trần Ngọc T5, Trần Ngọc Đ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X (chết); các ông Phùng Việt H17, Phùng Việt Nam, Phùng Việt L6 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H15 (chết) có đơn kháng cáo;

- Ngày 11/10/2023, các ông Trần Ngọc Đ, Trần Ngọc T5, Trần Ngọc L3, Phùng Việt L6, Phùng Việt H17 có đơn rút đơn kháng cáo.

- Ngày 24/10/2023, ông Phùng Việt N6, bà Trần Thị Tường V1 có đơn kháng cáo bổ sung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết yêu cầu đòi lại thửa đất số 215A, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.118m² của ông Nguyễn T9; thửa số 215B, tờ bản đồ số 09 (nay là thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84) và thửa đất số

202, tờ bản đồ số 09 (nay là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84) tại khu phố A, phường B, thị xã H. Chia đều các thửa đất trên cho 09 đồng thừa kế, không để bất kỳ người nào đại diện khi không có sự đồng ý của các ông bà.

- Ngày 11/10/2023, ông Nguyễn Thanh L7 kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, không công nhận thửa đất số 202, tờ bản đồ số 09 (Bản đồ năm 1997) nay là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84 (Bản đồ VN-2000), diện tích 1.150,6m² tại khu phố A, phường B, thị xã H là di sản thừa kế.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Việt N6, bà Trần Thị Tường V1 về yêu cầu đòi lại thửa đất số 215A, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.118m²; thửa số 215B, tờ bản đồ số 09 (nay là thửa đất số 64, tờ bản đồ số 84) và thửa đất số 215C, tờ bản đồ số 09, diện tích 240m² tại khu phố A, phường B, thị xã H để chia thừa kế.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh L7 về yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, không công nhận thửa đất số 202, tờ bản đồ số 09 (Bản đồ năm 1997) nay là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84 (Bản đồ VN-2000), diện tích 1.150,6m² tại khu phố A, phường B, thị xã H là di sản thừa kế.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo về chia hiện vật thửa đất số 202, tờ bản đồ số 09 (nay là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84) tại khu phố A, phường B, thị xã H trên cho 09 đồng thừa kế; sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của ông Phùng Việt N6, bà Trần Thị Tường V1 và ông Nguyễn Thanh L7; nhận thấy:

[1.1]. Về diện hàng thừa kế: Các đương sự trong vụ án thống nhất trình bày: Cô Nguyễn H25 (chết năm 1986) và cô Trần Thị K1 (chết năm 1995); hai cô có 09 người con là các ông bà: Nguyễn Trục (chết năm 2013), Nguyễn N5 (chết năm 2016), Nguyễn Thị L4 (chết năm 2012), Nguyễn Thị T6 (chết năm 2014), Nguyễn Thị X (chết năm 2018), Nguyễn T9 (chết năm 2016), Nguyễn C1 (chết năm 2003), Nguyễn Thị Kim C (chết năm 2021) và Nguyễn Thị H15 (chết năm 2022). Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của các ông bà Nguyễn T, Nguyễn N5, Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị X, Nguyễn T9, Nguyễn C1, Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Thị H15 như án sơ thẩm đã xác định là đúng.

[1.2]. Về di sản của cố Nguyễn H25 và cố Trần Thị K1 chết để lại:

Các con, cháu của hai cố là các đương sự trong vụ án đều trình bày thống nhất xác định thửa 177 mà hiện nay các bên đang tranh chấp có nguồn gốc là của hai cố nhận thừa kế từ ông bà để lại.

Năm 1979, ông Nguyễn T9 đã làm đơn xin đưa tất cả các thửa đất trên vào Hợp tác xã N11 quản lý và khi thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (viết tắt là Nghị định 64), hộ ông Nguyễn T9 và hộ ông Nguyễn Song T11 đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất đối với thửa 215A, thửa 215B. Đối với thửa 202, ông Nguyễn Thành L10 là người đang quản lý, canh tác trồng dưa lâu năm, có xây tường rào B40 xung quanh và cho đến nay, Nhà nước chưa giao quyền sử dụng đất và cấp GCN đối với thửa đất nói trên cho bất kỳ ai. Do đó, các ông bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc đòi lại di sản và yêu cầu chia tài sản chung của cố Nguyễn H25 và cố Trần Thị K1 chết để lại.

[1.3]. Xét thấy: Thửa đất số 177, hiện nay đã được chia tách thành các thửa đất sau đây (thửa 215A, thửa 215B và thửa 202).

- Tại Đơn xin vào Hợp tác xã nông nghiệp ngày 21/5/1979 (BL 241), trong đó ông Nguyễn T9 tự nguyện đưa vào HTX gồm: Ruộng đất tư, ở cánh đồng Đ, gồm 01 mẫu 6 sào 8 thước và đất có xâm, phụ canh ở thôn T, xã H, huyện H là 01 mẫu 1 sào 8 thước.

- Tại Biên bản làm việc của Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn với UBND huyện H ngày 14/11/2012 (BL 244 – 245), xác định nguồn gốc các thửa đất có số hiệu 215A, 215B, 202 từ bản đồ số 09, tại khối A, TT B, H trước kia vào thời thuộc pháp có số hiệu 177. Tất cả các thửa đất này đã được ông Nguyễn T9 có đơn xin vào Hợp tác xã N11 quản lý vào ngày 21/5/1979.

Như vậy, tại thời điểm Nhà nước có chủ trương đưa đất vào Hợp tác xã thì cố Nguyễn H25, cố Trần Thị K1, ông Nguyễn C1, ông Nguyễn T9, ông Nguyễn N5, bà Nguyễn Thị H15 và bà Nguyễn Thị T6 đều có mặt tại địa phương, nhưng không ai có ý kiến gì về việc ông T9 có đơn đưa toàn bộ các thửa đất này vào Hợp tác xã N11.

[1.4]. Khi thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1994 của Chính Phủ thì hộ ông Nguyễn T9 và hộ ông Nguyễn Song T11 đã được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất vào năm 1995; cụ thể: Hộ ông Nguyễn T9 được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01966 ngày 24/01/1997 đối với thửa 215A (nay là thửa 215A và thửa 215C), tờ bản đồ số 09, diện tích 1.118m²; Hộ ông Nguyễn Song T11 được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01968 ngày 24/01/1997 đối với thửa 215B, tờ bản đồ số 09, diện tích 570m².

Căn cứ khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình

thực hiện chính sách đất đai của N12 dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Do đó án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn T9 và anh Nguyễn Song T11 trả lại các thửa đất 215A, 215B, 215C và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu phân chia thừa kế các thửa đất nói trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.5]. Đối với thửa 202; xét thấy:

- Tại Công văn số 144/UBND ngày 11/11/2020 của UBND phường B gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; xác định như sau:

“+ Bản đồ năm 1984: Thửa đất số 239 (nay là thửa 202), tờ bản đồ số 9, diện tích 2.620m²; tên chủ sử dụng ruộng đất: Hợp tác xã N11;

+ Bản đồ năm 1997: Theo sổ mục kê đất đai là thửa đất số 202, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.750m²; tên chủ sử dụng đất: Nguyễn Song T11;

+ Hồ sơ theo tọa độ Quốc gia VN-2000: Theo sổ mục kê đất đai là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84, diện tích 1.490,5m²; tên chủ sử dụng đất: Hộ ông Nguyễn Văn T13;

Nguồn gốc thửa đất là của ông Nguyễn L11 thừa kế cho ông Nguyễn Hàm .1 Từ trước đến nay, không có ai lập hồ sơ đề nghị cấp GCN đối với thửa đất này. Như vậy thửa đất này có nguồn gốc của gia đình cụ Nguyễn H25 và Trần Thị K1 chết để lại cho các đồng thừa kế là các con của cụ H25, cụ K1”.

- Tại Công văn số 461/UBND-TNMT ngày 06/4/2021 của UBND thị xã H gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; xác định như sau: *“Thửa đất số 202, tờ bản đồ số 09 (bản đồ năm 1997) nay là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84 (bản đồ VN 2000) chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp cá nhân, hộ gia đình có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên thì thực hiện theo quy định của Luật đất đai và Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ”.*

- Theo hướng dẫn tại điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì xác định quyền sử dụng đất là di sản như sau:

“Trường hợp người chết để lại quyền sử dụng đất mà đất đó không có một trong các loại giấy tờ được hướng dẫn tại tiểu mục 1.1 và tiểu mục 1.2 mục 1 này nhưng có di sản là nhà ở, vật kiến trúc khác (như: nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh, giếng nước, nhà để ô tô, nhà thờ, tường xây làm hàng rào gắn với nhà ở, các công trình xây dựng trên đất được giao để sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh như nhà xưởng, kho tàng, hệ thống tưới, tiêu nước, chuồng trại chăn nuôi hay vật kiến trúc khác hoặc trên đất có các tài sản khác như cây lấy gỗ, cây lấy lá, cây ăn quả, cây công nghiệp hay các cây lâu năm khác) gắn liền với quyền sử dụng đất đó mà có yêu cầu chia di sản thừa kế, thì cần phân biệt

các trường hợp sau: Trong trường hợp đương sự không có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận việc sử dụng đất đó là hợp pháp, nhưng có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho biết rõ là việc sử dụng đất đó không vi phạm quy hoạch và có thể được xem xét để giao quyền sử dụng đất, thì Tòa án giải quyết yêu cầu chia di sản là tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Đồng thời phải xác định ranh giới, tạm giao quyền sử dụng đất đó cho đương sự để Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền tiến hành các thủ tục giao quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự theo quy định của pháp luật về đất đai.”.

Căn cứ vào các nội dung trên và nguồn gốc diện tích đất được các đương sự trong vụ án thừa nhận; án sơ thẩm xác định thửa 202 là di sản thừa kế của hai cố Nguyễn H25, Trần Thị K1 chưa được phân chia nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Thành L10 trả lại thửa 202 và phân chia di sản của của cố Nguyễn L11 và cố Nguyễn Hàm 12 thửa 202 theo quy định là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[1.6]. Xét nội dung kháng cáo của ông Phùng Việt N6 và bà Trần Thị Tường V1 về chia đều thừa đất trên cho 09 đồng thừa kế, không để bất kỳ người nào đại diện khi không có sự đồng ý của các ông bà; nhận thấy:

- Tại thời điểm còn sống, các ông bà Nguyễn T, Nguyễn N5, Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị X, Nguyễn C1, Nguyễn Thị Kim C và bà Nguyễn Thị H15 là nguyên đơn trong vụ án có yêu cầu muốn nhận chung diện tích đất được chia; sau khi vụ án được giải quyết xong, các ông bà sẽ xử lý phần đất được phân chia để thờ cúng ông bà. Tại phiên toà sơ thẩm, **ông Nguyễn Văn T13, ông Nguyễn Văn T3, ông Phan Minh H8 và ông Phùng Việt H17 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông bà Nguyễn T, Nguyễn Thị L4, Nguyễn C1, Nguyễn Thị H15** thống nhất đề nghị Tòa án giao chung phần diện tích đất còn lại 1.150,6m² cho ông Nguyễn Văn T13 đại diện quản lý để làm nơi thờ cúng ông bà. Nhận thấy ý kiến trên là phù hợp với nguyện vọng của các nguyên đơn khi còn sống, phù hợp với đạo lý và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thi hành án sau này.

- Mặt khác theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh B quy định diện tích đất tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Bình Định thì diện tích tối thiểu của một thửa đất nông nghiệp sau khi tách thửa là 300m².

Như vậy diện tích đất 1.150,6m² nếu chia cho 8 kỹ phần thừa kế, mỗi kỹ phần là **143,825m²**; Ngoài ra trường hợp ông Phùng Việt N6, bà Trần Thị Tường V1 yêu cầu nhận hiện vật thì ông N6 chỉ được hưởng 1/9 của diện tích 143,825m²; bà V1 chỉ được hưởng 1/4 của diện tích 143,825m², thì không đủ diện tích đất tối thiểu để được tách thửa theo Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh B.

Do đó án sơ thẩm chấp nhận nguyện vọng của các ông bà Nguyễn T, Nguyễn N5, Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị X, Nguyễn C1, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị H15 và yêu cầu của các **ông Nguyễn Văn T13,**

ông Nguyễn Văn T3, ông Phan Minh H8 và ông Phùng Việt H17 tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Các ông bà Phùng Việt Nam, Trần Thị Tường V1, Nguyễn Thanh L7 kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các ông bà Phùng Việt Nam, Trần Thị Tường V1, Nguyễn Thanh L7 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các ông bà Phùng Việt Nam, Trần Thị Tường V1, Nguyễn Thanh L7; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Về án phí phúc thẩm: Các ông bà Phùng Việt Nam, Trần Thị Tường V1, Nguyễn Thanh L7 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà Trần Thị Tường V1 đã nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000390 ngày 10/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định; ông Phùng Việt N6 đã nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000391 ngày 10/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (do bà Trần Thị Tường V1 nộp thay); ông Nguyễn Thanh L7 đã nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000393 ngày 10/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (do bà Nguyễn Thị N7 nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào